TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **200**/2021/HN-ST
Ngày: 4/5/2021
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**
+ Ông **Lê Anh Chiến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Phụng –** Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 72/2021/TLST-HN ngày 4/3/2021 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Linh A –** sinh năm: 1990 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, thành phố X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Viết B -** sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: ấp M1, xã N1, huyện Y, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trương Linh A trình bày: chị và anh B sống chung năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B không lo cho gia đình, vợ con, đi vay mượn tiền nhiều người, chị đã nhiều lần trả nợ cho anh B. Chị không biết lý do gì anh B hỏi vay tiền nhiều người nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi và không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh B ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có một cháu tên Nguyễn Ngọc Tường C, sinh ngày 24/01/2014 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Viết B trình bày: anh và chị A sống chung năm 2012, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì do làm ăn thất bại nên anh nợ tiền nhiều người, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và chị A đưa con về bên nhà cha mẹ ruột sống. Anh và chị A ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, trong thời gian ly thân anh có đến tìm chị A để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: có một cháu tên Nguyễn Ngọc Tường C, sinh ngày 24/01/2014 hiện đang sống với chị A. Nếu Tòa cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Linh A. Về tình cảm: chị A được ly hôn với anh B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Tường C, sinh ngày 24/01/2014 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: anh B chị A trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Linh A và anh Nguyễn Viết B sống chung năm 2012 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Chợ Gạo nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và bị đơn anh B hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trương Linh A: Về tình cảm: chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do anh B không lo cho gia đình, vợ con, vay mượn tiền nhiều người, chị đã nhiều lần trả nợ cho anh B. Chị không biết lý do gì anh B hỏi vay tiền nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi và không tìm được tiếng nói chung. Anh B không đồng ý ly hôn với chị A vì anh còn thương vợ, thương con. Hội đồng xét xử thấy rằng: trong cuộc sống vợ chồng giữa anh B và chị A đã có mâu thuẫn xảy ra, tuy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị lại không giải quyết được, anh B trình bày hiện anh đã thay đổi bản thân nhưng anh không có biện pháp cụ thể nào để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm với chị A, chứng tỏ anh chị không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A anh B không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: có một cháu tên Nguyễn Ngọc Tường C, sinh ngày 24/01/2014 hiện đang sống với chị A. Ly hôn chị A và anh B đều yêu cầu được nuôi cháu C. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu C là bé gái, hiện đang sống ổn định với chị A và tại bản tự khai cháu trình bày là có nguyện vọng sống với mẹ, bên cạnh đó, chị A cũng tạo điều kiện cho anh B được chăm sóc, thăm nom cháu, không có ngăn cản nên tiếp tục giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A, anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Linh A.

[1] Về tình cảm: chị Trương Linh A được ly hôn với anh Nguyễn Viết B.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường C, sinh ngày 24/01/2014 cho chị Trương Linh A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Viết B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Trương Linh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004689 ngày 2/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên